



Trực tuyến và trò chơi

Tài khoản, thiết bị và từ vựng chơi game.

Trực tuyến

интернét	internet	парóль	mật khẩu	прилóжение	ứng dụng
сайт	trang web	лóгин	tên đăng nhập	сеть	mạng
ссылка	liên kết	аккаўнт	tài khoản	пóиск	tìm kiếm
пóчта	email	пóльзователь	người dùng	настрóйки	cài đặt

Những việc bạn làm

скачáть	tải xuống	нажáть	nhấp, nhấn
загрузи́ть	tải lên, tải	включи́ть	bật
обнови́ть	cập nhật, làm mới	вы́ключить	tắt
удали́ть	xóa	подпи́саться	đăng ký theo dõi
сохрани́ть	lưu	зарегистрiроваться	đăng ký
отпрáвить	gửi	войти́ / вы́йти	đăng nhập / đăng xuất

Thiết bị

компью́тер	máy tính	мы́шка	chuột máy tính
ноутбúк	laptop	нау́шники	tai nghe
экра́н	màn hình	заря́дка	sạc
клавиату́ра	bàn phím	телефóн	điện thoại

Trò chơi

игра́	trò chơi	зада́ние	nhiệm vụ	пора́жение	thất bại
игро́к	người chơi	ору́жие	vũ khí	выиграть	thắng
уро́вень	cấp độ	ко́манда	đội	проиграть	thua
персона́ж	nhân vật	побе́да	chiến thắng	сохранéние	bản lưu

Nói trong game

Ты в сéти?

Bạn có đang online không?

Дава́й сыгра́ем!

Chơi một ván nào!

У меня́ пло́хо рабо́тает интерне́т.

Internet của tôi đang chạy chậm.

Напиши́ мне в ча́те.

Nhắn cho tôi trong chat nhé.

Я игра́ю в э́ту игру́ ка́ждый день.

Tôi chơi game này mỗi ngày.

играть в **hay** играть на?

Trò chơi và môn thể thao đi với играть в + accusative: играть в футбол, играть в шахматы. Nhạc cụ đi với играть на + prepositional: играть на гитаре. Nhầm hai cấu trúc này là một trong những lỗi phổ biến nhất của người học, và nó luôn bị nghe ra.



Trò chuyện với mọi người trên mạng

Chat trong sảnh, tiếng lóng game và cách để người khác muốn bạn vào đội.

Đến và rời đi

всем привёт	chào mọi người	подожди	chờ chút
хай	hi (vay mượn)	секунду	một giây
здорово	chào (thân mật)	я отойду	tôi đi chút
я в игре	tôi vào game rồi	я вернусь	tôi về rồi
го	đi thôi (từ "go")	всем пока	chào tạm biệt mọi người
давай	đi nào / hẹn gặp lại	до завтра	hẹn mai gặp lại

Tiếng lóng game

кátка	một ván	читы́тер	kẻ gian lận
ла́ги	lag	лут	đồ nhặt
ла́гает	đang lag	фарм	cày
пинг	ping	босс	trùm
новичо́к	người mới	обно́ва	bản cập nhật
про́фи	cao thủ	кося́к	pha sai, lỗi của tôi

Chơi theo đội

сза́ди!	sau lưng bạn!	атаку́й	tấn công	жди	đợi đã
помоги́!	cứu tôi!	отхо́дим	đang lùi	гото́в?	sẵn sàng chưa?
иду́	đang tới	враг	kẻ địch		
прикро́й	yểm trợ tôi	сою́зник	đồng minh		

Cư xử tử tế

молоде́ц	giỏi lắm	извини́	xin lỗi
кру́то	hay lắm	спс	cảm ơn (viết tắt của
хорошо́ сы́грал	chơi hay lắm	пж	làm ơn (viết tắt của
не пережива́й	đừng bận tâm	норм	ổn, không sao
мой кося́к	lỗi của tôi	гг	gg, trận hay

Cả câu

Кто хо́чет игра́ть?

Ai muốn chơi nào?

Я на пять мину́т отойду́.

Tôi sẽ đi khoảng năm phút.

Извини́, у меня́ ла́ги.

Xin lỗi, tôi đang lag.

Хорошо́ сы́грали, всем спа́сибо!

Chơi hay lắm, cảm ơn mọi người!

Дава́й ещё одну́ кáтку.

Chơi thêm một ván nữa nào.

Tiếng Nga gõ phím viết tắt rất nhiều

спс thay cho спа́сибо, пж thay cho пожа́луйста, норм thay cho нормáльно. Người chơi Nga cũng dùng những viết tắt Latin như mọi người – gg, afk, gl hf – nên bạn sẽ thấy cả hai bảng chữ trong một dòng chat. Đừng dùng bất kỳ từ nào trong số này trong một cuộc nói chuyện với vy.